

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày: 14-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Huỳnh Minh Thiện

Bà: Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ MINH P**; giới tính nam; sinh ngày 10/8/1969 tại A, Gia Lai. Nơi cư trú: Tổ 14 (nay là Tổ 7), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo. Họ và tên cha: Lê M (đã chết). Họ và tên mẹ: Phan Thị T (sinh năm 1937), hiện cư trú tại Tổ 14, phường S, thị xã A. Gia đình có 05 anh em, bị can là con thứ ba. Vợ: Trần Thị L1 (sinh năm 1973). Có 02 người con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án: 01 (Ngày 30/3/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 10 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 05/02/2017, chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành án phí hình sự và phần bồi thường dân sự).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 09/11/2018 và hiện bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 59/2019/HSST-QĐTG ngày 01/7/2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thị xã A; Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Hoàng Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 13, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Phan Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 02, xã D, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trần G, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A2, xã A3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Phùng Thị L, sinh năm 1976; Thôn A2, xã A3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Lê I, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn A2, xã A3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Phan Thị T, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 14 (nay là Tổ 7), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Hoàng Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 13, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Phan V, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 07, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm U, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 10 (nay là Tổ 8), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Đặng Chương B, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 10 (nay là Tổ 8), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh P là đối tượng đang có tiền án tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa P. P không có công ăn việc làm nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. P biết cha mẹ của mình là ông Lê Nghi và bà Phan Thị T có thửa đất tại địa chỉ 24 E, Tổ 14, phường S, nhưng P đưa ra thông tin gian dối P là chủ sở hữu, có quyền chuyển nhượng, P tẩy xóa, sửa chữa một số giấy tờ, cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác rồi tự viết giấy sang nhượng đem thế chấp, P đã tạo lòng tin cho những bị hại để thỏa thuận việc mua bán nhà, đất tại địa chỉ trên. P đã thỏa thuận làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng không thực hiện mà chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2018 đến 19/6/2018, bằng thủ đoạn trên P đã chiếm đoạt Tổng số tiền 372.000.000đ của các bị hại trên địa bàn thị xã A và huyện Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Cuối năm 2017, P nhận làm thủ tục tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà Lê I (sinh năm 1972, cư trú tại thôn A2, xã A3, huyện Đ). Sau khi làm xong thủ tục, P mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CL 953186 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 18 tháng 12 năm 2017 cho bà I, rồi tự viết “Giấy sang nhượng đất” đề ngày 20/12/2017 với nội dung bà I chuyển nhượng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ thôn A2, xã A3, huyện Đ cho P.

Ngày 30/3/2018, tại quán cafe Thủy Trúc phường A1, thị xã A, P đưa ra thông tin cần bán lô đất tại địa chỉ 24 E Tổ 14, phường S được cha mẹ cho. Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1977, cư trú tại Tổ 13, phường A1, thị xã A) đồng ý mua với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). P dẫn bà H đến xem đất và hẹn chiều cùng ngày đến quán cafe Thủy Trúc để đặt cọc tiền. P nói với bà H “sổ đỏ đang làm thủ tục sang tên tách thửa”. Ngoài ra, để lấy lòng tin, P đưa cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê I cùng “Giấy sang nhượng đất” giữa P và bà I nêu trên. Bà H tin lô đất trên đã được gia đình P thỏa thuận sang tên cho P và việc bà I bán đất cho P là có thật nên giao cho P số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đặt cọc mua lô đất. P viết “Giấy bán đất ở” cho bà H và hẹn hai tháng sẽ làm xong thủ tục sang tên cho bà H.

Đến ngày 18/4/2018, P yêu cầu bà H đưa tiếp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) với lý do làm thủ tục sang tên. Bà H tin tưởng nên đã giao tiếp cho P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Sau đó đến tháng 6/2018, bà H nhiều lần điện thoại hỏi, P đưa cho bà H giấy “Sơ đồ nhà đất” mang tên Lê Minh P và “Phiếu đăng ký đo đạc, lập trích lục thửa đất” do P tẩy xóa, sửa chữa và photo lại để bà H tin P đã nộp hồ sơ làm thủ tục tách thửa đất. Số tiền 140.000.000đ chiếm đoạt được P đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ngày 04/5/2018, gia đình bà Phùng Thị L (sinh năm 1976, cư trú tại thôn A2, xã A3, Đ) có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở. Bà Lê I giới thiệu bà L gặp P (vì trước đó P đã làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà I). Khi gặp bà L, P nói sẽ đứng ra làm hoàn tất các thủ tục với số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng). Bà L đồng ý đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 598507 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/01/2017 mang tên Trần G, Phùng Thị L cho P. P viết “Giấy biên nhận giấy tờ” đưa cho bà L.

Khoảng 15 ngày sau, P điện thoại gặp ông Trần G (sinh năm 1970, chồng bà L) nói đã làm xong các thủ tục và nộp thuế. P tẩy xóa biên lai nộp thuế của bà Lê I, ghi lại tên Trần G rồi phô tô cầm đến gặp vợ chồng ông G, bà L tại xã Đ1, huyện R. P đưa biên lai cho vợ chồng ông G xem, sau đó cất vào túi. Vợ chồng ông G tin tưởng P đã làm thủ tục như thỏa thuận nên đưa 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) cho P. Số tiền này P đã tiêu xài cá nhân hết.

Vợ chồng ông G bà L nhiều lần tìm gặp P nhưng P trốn tránh. Đến ngày 05/6/2018, tại thôn 5, xã A2, huyện Đ, ông G bà L yêu cầu P viết “Giấy tạm ứng tiền” với nội dung P nhận số tiền 42.000.000đ của ông G, bà L.

Lần thứ ba: Đầu tháng 6/2018, P tiếp tục đưa ra thông tin cần bán căn nhà tại địa chỉ 24 E, Tổ 14, phường S (nhà do vợ chồng P xây dựng trên thửa đất

của cha mẹ P, chưa tách thửa, sang tên, cạnh thửa đất bà H đặt cọc mua). Tin tưởng nhà, đất thuộc sở hữu của P, ông Phan V (sinh năm 1971, trú Tổ 7, phường A1) đã giới thiệu cho chị Phan Thị N (sinh năm 1997, cư trú tại Thôn 5, xã D, huyện K, tỉnh Gia Lai) đến mua.

Ngày 15/6/2018, P dẫn chị N đến xem nhà, chị N tin nhà và đất là của P nên thỏa thuận mua với giá 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 19/6/2018, P điện thoại hỏi thúc chị N: “*ra đặt cọc tiền nếu không sẽ bán cho người khác*”. Tin lời P nên trong ngày 19/6/2018, chị N gặp P tại quán café Hoa Sữa (Tổ 6, phường S). P nói với chị N “*Sổ đỏ đang làm thủ tục tách thửa, sang tên cho người khác*” và đưa “*Sơ đồ nhà đất*” mang tên Lê Minh P cho chị N xem. Do tin tưởng nên chị N giao số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) đặt cọc. P nhận tiền và điền thông tin vào “*Hợp đồng đặt cọc*” đánh máy sẵn đưa cho chị N và hẹn 10 ngày sau ra công chứng hợp đồng. Số tiền này, P đưa cho bà Hoàng Thị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ông Phan V 1.000.000đ (một triệu đồng) nói là tiền hoa hồng giới thiệu N mua nhà, số còn lại đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi chiếm đoạt tiền của những người bị hại, P bỏ trốn khỏi địa P đến ngày 09/11/2018 bị bắt theo quyết định truy nã.

Về tạm giữ đồ vật, tài liệu:

Một “Giấy bán đất ở” ngày 30/3/2018 giữa Lê Minh P và bà Hoàng Thị H do P viết;

Một “Giấy sang nhượng đất” đề ngày 20/12/2017 do P tự viết và ký tên;

Một “Hợp đồng đặt cọc” ngày 19/6/2018 giữa Lê Minh P và Phan Thị N;

Một “Giấy xác nhận diện tích đất đang sử dụng không có tranh chấp” ngày 26/01/2000 (bản sao), một ảnh chụp “Sơ đồ nhà đất”, một sơ đồ nhà đất (photo);

Một “Phiếu đăng ký đo đạc, lập trích lục thửa đất” đề ngày 08/6/2018 (photo);

Một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê I;

Một giấy biên nhận giấy tờ giữa Lê Minh P và Phùng Thị L, một “Giấy tạm ứng tiền”;

Một điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng gắn 02 sim số 01693533177 và 0866467506.

Tại Kết luận giám định số 74/KLGD ngày 27/12/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh Gia Lai xác định: Chữ viết, chữ ký trên “GIẤY SANG NHƯỢNG ĐẤT” đề ngày 20/12/2017 [trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Người bán” và chữ ký dưới mục “Trưởng thôn”] so với chữ ký, chữ viết của “LÊ MINH P” trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết, chữ ký trên dưới mục “Người bán” trên “GIẤY BÁN ĐẤT Ở”, đề ngày 30/3/2018 (trừ chữ ký dưới mục “Vợ: Trần Thị L1”) so với chữ ký, chữ viết của “Lê Minh P” trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết trên “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 19/6/2018, dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: (bên A)” và chữ ký, chữ viết dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG (Bên A) Ký ghi rõ họ tên” trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của “Lê Minh P” trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Tại kết luận giám định số 76/KLGĐ ngày 26/12/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh Gia Lai xác định: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy biên nhận giấy tờ”, đề ngày 4/5/2018; “Giấy tạm ứng tiền” đề ngày 5/6/2018 so với chữ ký, chữ viết của “Lê Minh P” trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu Lê Minh P trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Cụ thể, bà Hoàng Thị H 140.000.000đ, chị Phan Thị N 190.000.000đ, vợ chồng ông Trần G, Phùng Thị L 42.000.000đ. Bị cáo chưa bồi thường, vì vậy phần dân sự chưa giải quyết xong.

Quá trình điều tra Lê Minh P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định ngày 23/5/2018, P thỏa thuận bán lô đất tại địa chỉ 24 E, Tổ 14, Phường S (mà bà H đã đặt cọc trước đó) cho bà Phạm U (sinh năm 1965) và ông Đặng Chương B (sinh năm 1965, cùng cư trú tại Tổ 10, phường A1, thị xã A). Để tạo lòng tin cho bà U, ông B, P đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Trần G cùng giấy sang nhượng của ông G, bà L cho P (do P tự viết) cho bà U. Bà U, ông B giao Tổng cộng số tiền 157.000.000đ cho P. Tuy nhiên, quá trình điều tra bà U, ông B không hợp tác, không giao giấy nhận tiền giữa bà U và P, không giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần G, bà Phùng Thị L vì cho rằng quan hệ giao dịch giữa bà U ông B và P là dân sự. Đồng thời cam kết tự thỏa thuận, giải quyết không yêu cầu giải quyết trong vụ án hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không có cơ sở để xử lý trong cùng vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 14/CTr-VKS ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Lê Minh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù.

Về dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Lê Minh P phải hoàn trả cho bà bà Hoàng Thị H 140.000.000đ, chị Phan Thị N 169.000.000đ, vợ chồng ông Trần G, Phùng Thị L 42.000.000đ. Buộc bà Hoàng Thị H phải hoàn trả cho chị Phan Thị

N số tiền 20.000.000đ; buộc ông Phan V phải hoàn trả cho bà chị Phan Thị N số tiền 1.000.000đ.

Về vật chứng: Đề nghị hoàn trả cho bà Lê I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL953186 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2017 cho bà Lê I.

Tịch thu sung quỹ: Một điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng có số Ime 1: 356942090888150 và Ime 2 356942093000117.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại mang số thuê bao 01693533177 và 0866467506; trong đó sim 1 số nhà sản xuất ghi trên sim: 8984048000021935568; sim 2 số nhà sản xuất ghi trên sim: 8984048000026880673.

Buộc bà Phạm U, ông Đặng Chương B phải hoàn trả cho ông Trần G, bà Phùng Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số CG 598507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho người sử dụng đất là ông Trần G và bà Phùng Thị L vào ngày 10/01/2017.

Về án phí: Bị cáo Lê Minh P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông G bà L trình bày: Bị cáo P đã dùng thủ đoạn gian dối nói sẽ đứng ra làm hoàn tất các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông G, bà L và nhận số tiền 42.000.000đ cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 598507 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/01/2017 mang tên Trần G, Phùng Thị L. Sau đó P không thực hiện và cũng không G trả tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G bà L mà đi thế chấp cho bà U, ông B. Nay ông G bà L yêu cầu xử lý P theo pháp luật, yêu cầu P hoàn trả số tiền 42.000.000đ đã nhận và yêu cầu bà U, ông B hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo P đã thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay bà U trình bày: Trước khi thỏa thuận mua đất của bị cáo P, bà và chồng là ông B đã biết rõ tình trạng pháp lý của đất mà bị cáo bán là mới có trích lục mang tên P, chưa có sổ đỏ, nhưng do bị cáo nói đã thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp để vay, bà và ông B tin rằng Ngân hàng đồng ý cho P thế chấp vay tiền nên trích lục đó hợp lệ, sẽ làm sổ đỏ được, nên vợ chồng bà đồng ý mua. Bà U khai bà cũng biết được là trước đó P đã bán thửa đất này cho bà H, chị N nhưng chưa thực hiện được, sự việc vỡ lẽ, bà muốn tháo gỡ cho bị cáo P, để bị cáo có tiền trả lại cho bà H, chị N, bị cáo P không có hành vi lừa dối đối với vợ chồng bà, nên giao dịch giữa vợ chồng bà và bị cáo P là thuần túy dân sự, bà cam đoan không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án và không khiếu nại gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Minh P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã ý thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động, muốn chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã nghĩ ra thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối với những người bị hại rằng bị cáo là người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà, đất tại địa chỉ 24 E, Tổ 14, Phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai để viết giấy sang nhượng nhà, đất và nhận tiền đặt cọc nhằm mục đích chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, ngày 30/3/2018 và ngày 18/4/2018 bị cáo P đã nhận tiền đặt cọc bán đất của bà Hoàng Thị H với tổng số tiền là 140.000.000đ; ngày 19/6/2018 nhận tiền đặt cọc của chị Phan Thị N 190.000.000đ; cùng với hành vi lừa bán nhà, đất như trên, bị cáo P còn dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nhận làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông G, bà L với giá 42.000.000đ nhưng P không làm mà P tẩy xóa biên lai nộp thuế của bà Lê I, ghi lại tên Trần G rồi phô tô cầm đến gặp vợ chồng ông G, bà L để vợ chồng ông G tin tưởng P đã làm thủ tục như thỏa thuận nên giao 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) cho P. Số tiền này P đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi các bị hại phát hiện ra thủ đoạn gian dối yêu cầu bị cáo trả lại tiền thì bị cáo không trả mà đã bỏ trốn. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Minh P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hơn nữa số tiền mà bị cáo chiếm đoạt Tổng cộng là 372.000.000đ nên bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội sau 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bị xử phạt 6 năm tù và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xử phạt 04 năm tù, chưa chấp hành xong bản án về phần án phí và phần bồi thường dân sự mà còn phạm tội mới, do đó phạm vào điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo liên tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H, chị N, ông G và bà L, mỗi lần bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại đều đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng chưa thật sự cải tạo để trở thành người công dân tốt, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về dân sự: Trong vụ án này Lê Minh P đã nhận của bà Hoàng Thị H số tiền 140.000.000đ, vợ chồng ông Trần G, bà Phùng Thị L 42.000.000đ. Số tiền này bị cáo P đã tiêu xài cá nhân hết. Riêng số tiền 190.000.000đ bị cáo P nhận của chị Phan Thị N, bị cáo đã chi cho bà H 20.000.000đ, ông Phan V 1.000.000đ xem như tiền công môi giới. Tuy nhiên, số tiền mà bà H, ông Phan V nhận là số tiền do bị cáo P phạm tội mà có, do đó việc bà H, ông V nhận tiền của bị cáo được xem là được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, theo quy định tại Điều 579 Bộ luật dân sự, cần buộc hoàn trả lại cho chủ sở hữu là chị N.

Vì vậy: Buộc bị cáo Lê Minh P phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị H 140.000.000đ; hoàn trả cho chị Phan Thị N 169.000.000đ; hoàn trả vợ chồng ông Trần G, bà Phùng Thị L 42.000.000đ. Buộc bà Hoàng Thị H hoàn trả cho chị Phan Thị N 20.000.000đ; buộc ông Phan V hoàn trả cho chị N 1.000.000đ.

[8] Về vật chứng: Hoàn trả cho bà Lê I 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL953186 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2017 cho bà Lê I;

Tịch thu sung quỹ: Một điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng có số Ime 1: 356942090888150 và Ime 2 356942093000117.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại mang số thuê bao 01693533177 và 0866467506; trong đó sim 1 số nhà sản xuất ghi trên sim: 8984048000021935568; sim 2 số nhà sản xuất ghi trên sim: 8984048000026880673.

[9] Trong vụ án này, bị cáo P còn viết giấy sang nhượng thửa đất tại số nhà 14 E cho ông B, bà U. Tại phiên tòa bị cáo P khai rằng bị cáo không có hành vi lừa dối bà U và ông B. Điều này đã được bà U thừa nhận tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định bị cáo P không có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của bà U, ông B. Giao dịch giữa bà U, ông B với bị cáo P là giao dịch dân sự không có yếu tố cấu thành tội lừa đảo. Cơ quan điều tra đã tách hành vi này không đề nghị truy tố trong cùng vụ án là đúng.

[10] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G, bà L mà bị cáo đã đưa cho ông B, bà U giữ, cơ quan điều tra đã yêu cầu bà U ông B giao nộp, nhưng bà U, ông B không hợp tác. Tại phiên tòa hôm nay ông G, bà L yêu cầu bà U, ông B hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Xét việc chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà U, ông B là ngay tình nhưng trái pháp luật. Vì vậy cần buộc bà Phạm U, ông Đặng Chương B phải

hoàn trả cho ông Trần G, bà Phùng Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số CG 598507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho người sử dụng đất là ông Trần G và bà Phùng Thị L vào ngày 10/01/2017.

Trong vụ án này, bị cáo P còn có hành vi sửa chữa giấy biên nhận thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đưa cho ông G, bà L để làm tin nhằm chiếm đoạt số tiền 42.000.000đ, nhưng xét thấy mục đích sửa chữa thông báo nêu trên của bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại, giấy thông báo thuế đó cũng không thu hồi được nên không đủ cơ sở để xử lý bị cáo về hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Minh P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 17.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà U, ông B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch do Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông G, bà L, buộc bà U, ông B phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G, bà L; bà Hoàng Thị Hạnh phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị N với mức án phí là 1.000.000đ; ông Phan V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các điều 579, 584, 585 Bộ luật dân sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 38, Khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Lê Minh P** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”;

Xử phạt bị cáo Lê Minh P **08 (Tám)** năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 09/11/2018.

Về dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Minh P phải hoàn trả:

+ Bà Hoàng Thị H số tiền 140.000.000đ;

+ Chị Phan Thị N số tiền 169.000.000đ;

+ Ông Trần G, bà Phùng Thị L số tiền 42.000.000đ.

- Buộc bà Hoàng Thị H hoàn trả cho chị Phan Thị N 20.000.000đ; Buộc ông Phan V hoàn trả cho chị Phan Thị N 1.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: giao trả: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL953186 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2017 cho bà Lê I;

Tịch thu sung quỹ: Một điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng có số Ime 1: 356942090888150 và Ime 2: 356942093888157.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại, sim 1 (mang số sản xuất) 89840480 00021935568; sim 2: (mang số sản xuất) 8984048000026880673 của 02 số thuê bao 01693533177 và 0866467506.

Buộc bà Phạm U, ông Đặng Chương B phải hoàn trả cho ông Trần G, bà Phùng Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số CG 598507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp cho người sử dụng đất là ông Trần G và bà Phùng Thị L vào ngày 10/01/2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.550.000đ (Mười bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu án phí 1.000.000đ, ông Phan V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm U, ông Đặng Chương B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2019), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Minh Thiện Nguyễn Thị Thanh Bình Lê Long Sơn

